

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

Số: 824/STP-TC
V/v triển khai rà soát đội ngũ
công chức làm công tác hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 01/6/2015 Bộ Tư pháp có Công văn số 1685/BTP-TCCB về việc triển khai rà soát đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch. Thực hiện Công văn số 4430/UBND-NC ngày 11/6/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai rà soát đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch. Để có cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch đảm bảo đến thời điểm Luật Hộ tịch (có hiệu lực ngày 01/01/2016) có đủ số lượng công chức hộ tịch có trình độ để phục vụ công tác.

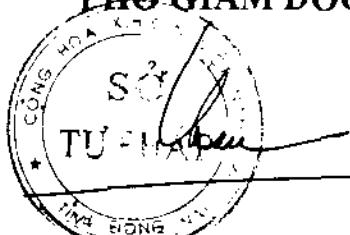
Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị Trưởng phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, rà soát kiểm tra lại đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch của địa phương mình có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, lập danh sách trước ngày 05/7/2015 gửi về Sở Tư pháp để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2015 gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét phê duyệt (Kèm theo đề cương báo cáo và các biểu mẫu).

Yêu cầu Trưởng phòng Tư pháp triển khai thực hiện báo cáo Sở Tư pháp đúng thời gian quy định (Công văn số 1865 /BTP-TCCB được đăng tải trên trang thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn/vanbanphapquy>)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo)
- UBND các huyện, TX. Long Khánh, thành phố Biên Hòa (phối hợp)
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Văn Châu



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 4430 /UBND-NC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 6 năm 2015

V/v triển khai rà soát đội ngũ
công chức làm công tác hộ tịch.

Kính gửi:

- 119.1
157/6
- Sở Tư pháp;
 - Sở Nội vụ;
 - UBND các huyện, thị xã Long Khánh
và thành phố Biên Hòa.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 1865/BTP-TCCB ngày 01/6/2015 của Bộ Tư pháp về việc triển khai rà soát đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch (bản sao kèm theo). Về việc này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm:

1. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tiến hành việc rà soát, đánh giá đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa rà soát, đề xuất lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định và dự thảo báo cáo trình UBND tỉnh để gửi Bộ Tư pháp **trước ngày 31/8/2015**.

3. Căn cứ kết quả rà soát, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp tham mưu trình UBND tỉnh kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương đảm bảo đến thời điểm Luật hộ tịch có hiệu lực (**ngày 01/01/2016**) đủ số lượng người có trình độ trung cấp luật trở lên và bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ hộ tịch cho đối tượng này theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh VX;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh NC, VX;
- Lưu: VT, NC, VX.

<1. Tờ công chức hộ tịch>

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Trí

Số: 186 S/BTP-TCCB
V/v triển khai rà soát đội ngũ
công chức làm công tác hộ tịch

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2015

3056A

416115

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Triển khai thi hành Luật Hộ tịch được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2014 và Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 15/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Luật Hộ tịch, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp triển khai thực hiện việc rà soát, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ hộ tịch, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch đáp ứng tiêu chuẩn bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Hộ tịch. Cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc rà soát, đánh giá đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương.

2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc rà soát và đề xuất lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 31/8/2015 (kèm bản điện tử qua email:tccb@moj.gov.vn).

3. Căn cứ kết quả rà soát, chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương; phối hợp Trường Đại học Luật Hà Nội, Học viện Tư pháp và các Trường Trung cấp Luật thuộc Bộ (Buôn Ma Thuột, Vị Thanh, Thái Nguyên, Đồng Hới, Tây Bắc) hoặc các cơ sở đào tạo khác tổ chức đào tạo đủ số lượng người có trình độ trung cấp luật trở lên và bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ hộ tịch cho đối tượng này theo đúng quy định của Luật hộ tịch.

Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tư pháp (qua Vụ Tổ chức cán bộ, điện thoại: 04 62739368).

Xin trân trọng cảm ơn!

(Đề cương báo cáo và các biểu mẫu số 1,2,3,4,5,6,13,14,15 được gửi kèm theo và đăng tải trên Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp, website: <http://moj.gov.vn/Pages/thong-bao.aspx>).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tin);
- Lưu: VT, TCCB.





Phụ lục II

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả rà soát và đề xuất lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch

(Kèm theo Công văn số 1865/BTP-TCCB ngày 01 tháng 6 năm 2015
của Bộ Tư pháp)

I. TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC HỘ TỊCH (tính đến ngày 30/6/2015)

I. Tình hình đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch

1.1. Tình hình đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch

- Số lượng công chức làm công tác hộ tịch;

- Cơ cấu công chức làm công tác hộ tịch (bao gồm: theo chức danh lãnh đạo, quản lý, theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ, theo ngạch công chức, theo độ tuổi, giới tính, dân tộc, vùng lãnh thổ; Đảng viên...);

- Chất lượng đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch (bao gồm: trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; trình độ lý luận chính trị; trình độ quản lý Nhà nước; trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học...).

1.2. Đánh giá về đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch

- Đánh giá về số lượng, cơ cấu đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch so với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra (số lượng công chức đủ, thừa, thiếu; cơ cấu hợp lý, không hợp lý).

- Đánh giá về chất lượng công chức làm công tác hộ tịch (trình độ, kỹ năng) so với tiêu chuẩn chức danh và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; đánh giá về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

- Đánh giá về mức độ đáp ứng về tiêu chuẩn và yêu cầu nhiệm vụ theo quy định của Luật Hộ tịch của đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch:

+ Tỷ lệ % số công chức làm công tác hộ tịch đáp ứng tốt các yêu cầu;

+ Tỷ lệ % số công chức làm công tác hộ tịch đáp ứng yêu cầu;

+ Tỷ lệ % số công chức làm công tác hộ tịch chưa đáp ứng yêu cầu - cần được tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng;

+ Tỷ lệ % số công chức làm công tác hộ tịch không đáp ứng yêu cầu - cần được điều chuyển cho phù hợp.

- Mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch; nguyên nhân của những mặt mạnh, mặt yếu đó.

2. Công tác quản lý công chức làm công tác hộ tịch

2.1. Tình hình quản lý công chức làm công tác hộ tịch trong giai đoạn 2011-2015:

- Tình hình tuyển dụng, sử dụng; bố trí, sắp xếp, quản lý và thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức làm công tác hộ tịch theo tiêu chuẩn quy định;

- Về tình hình và kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng ký, quản lý hộ tịch trong giai đoạn 2011-2015;

2.2. Đánh giá:

- Những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và vướng mắc, khó khăn trong công tác quản lý công chức làm công tác hộ tịch.

- Nguyên nhân của những kết quả và hạn chế.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT KIỆN TOÀN ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC HỘ TỊCH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Dự kiến nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch bảo đảm đến 31/12/2019 đủ tiêu chuẩn được quy định trong Luật hộ tịch (trong đó bao gồm: Số lượng, đối tượng, thời gian, địa điểm, nội dung đào tạo, bồi dưỡng, kinh phí và đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp theo lộ trình; chế độ, chính sách hỗ trợ công chức đi đào tạo, bồi dưỡng...).

2. Dự kiến thực hiện tuyển dụng, bố trí, sắp xếp đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương đáp ứng tiêu chuẩn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định.

3. Các kiến nghị, đề xuất khác nhằm kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày tháng năm 2015

Biên soá

RÀ SOÁT DANH SÁCH CÔNG CHÍC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH LÀM CÔNG TÁC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Tính đến ngày 30/6/2015 - Phục vụ triển khai Luật hộ tịch)

二三

- "Thời gian làm công tác tư pháp" là thời gian tính từ khi được tuyển dụng
với công chức Tư pháp - Hộ tịch

Tai cốt [18] Đề nghị ghi rõ ngoại ngữ và trình độ theo chứng chỉ

Tai cốt [19] Đề nghị ghi rõ trình độ theo chứng chỉ

Tai cốt [20] nếu đã được bồi dưỡng thi ghi "có", nếu chưa thi ghi "không"

Tai cốt [21], [22], [23], đề nghị đánh dấu X vào ô tương ứng với cơ quan
tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ tại cột [20]

Tai cốt [32] Đề nghị ghi cụ thể niên khóa đào tạo

Người lập biểu
(Kỳ 2) gửi rõ họ tên)

TM JOURNAL XÃ PHỦ QUỐC THỊ TRẤN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày tháng năm 2015

TỔNG HỢP RÀ SOÁT CÔNG CHỨC TỰ PHÁP - HỘ TÙCH XÃ PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Tính đến ngày 30/6/2015 - Phê duyệt triển khai Luật hộ tịch)

Biểu số 2

Thứ tự	Điều	Giới tính	Thời gian làm công tác tư pháp	Trình độ		Đã được bồi dưỡng nghề nghiệp	Đang tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ	Nhà cung cấp đào tạo, bồi dưỡng
				Chuyên môn	Ngoại ngữ			
1	Số xã hai công chức Tự pháp - Hồ lịch		Từ 40 đến dưới 50	Từ 40 đến dưới 50	Từ 50	Dưới 30	Tổng số xã/Phường/Thị trấn	Tổn số xã/Phường/Thị trấn
2	Tổng số công chức Tự pháp - Hồ lịch		Từ 30 đến dưới 40	Từ 30 đến dưới 40	Từ 40	Từ 40 đến dưới 50	Số xã hai công chức Tự pháp - Hồ lịch	Số xã hai công chức Tự pháp - Hồ lịch
3	Tổng số xã/Phường/Thị trấn		Từ 30 đến dưới 40	Từ 30 đến dưới 40	Từ 40	Tổng số xã/Phường/Thị trấn	Tổng số xã/Phường/Thị trấn	Tổng số xã/Phường/Thị trấn
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								
13								
14								
15								
16								
17								
18								
19								
20								
21								
22								
23								
24								
25								
26								
27								
28								
29								
30								
31								
32								
33								
34								
35								
36								
37								
38								
39								
40								
41								
42								
43								
44								
45								
46								
47								
48								
49								

Ghi chú:

'Thời gian làm công tác tư pháp' là thời gian tính từ khi được tuyển dụng đối với công chức Tự pháp

Hồ lịch.

Trưởng hợp có trình độ chuyên môn khác chỉ thông kê trình độ chuyên môn Luật

Tại cột (32), (33), (34), để nghị đánh dấu X vào ô tương ứng với cơ quan đã

đóng chức bồi dưỡng nghiệp vụ

Người lập biểu

(Xác nhận rõ bằng tên)

, ngày tháng năm 2015

Biểu số 3

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH GIỮA CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN LUẬT VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
(Tính đến ngày 30/6/2015 - Phục vụ triển khai Luật Hộ tịch)

TT	Tên Huyện/Quận/Thị cấp/Thành phố thuộc tỉnh	Tiền Phường; Xã/Trà mã	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Thời gian làm công tác tư pháp	Trình độ			Đang tham gia các chương trình bồi dưỡng nghề vụ hộ tịch			Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú						
							Văn hóa	Chuyên môn	Lai	Cơ quan/dơn vị tổ chức bồi dưỡng	Luật	Khoa	Chi phí đào tạo	Chuyên môn Luật nghề vụ hộ tịch	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Trung cấp Luật	Đại học Luật	Sau đại học				
Đang tham gia các chương trình bồi dưỡng nghề vụ hộ tịch																						
Niên khóa đào tạo																						
Cơ quan/cử đi thanh toán																						
Tỷ tức thanh toán																						
Trung cấp																						
Đại học, Cao đẳng																						
Ths Trở lên																						
Trung cấp																						
Đại học																						
Ths Trở lên																						
Phòng Tư pháp																						
UBND tỉnh/Sở Tư pháp																						
Bộ Tư pháp																						
Có/Không																						
Tin học																						
Ngoại ngữ																						
Chưa đào tạo																						
Trung cấp																						
Đại học, Cao đẳng																						
Ths trở lên																						
Đại học																						
Ths trở lên																						
Tiểu học																						
THCS																						
THPT																						
Trên 10 năm																						
Từ 5 đến 10 năm																						
Dưới 05 năm																						
Nữ																						
Nam																						

Hướng dẫn:

“Thời gian làm công tác tư pháp” là thời gian tinh túy khi được tuyển dụng đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch.

Tại cột [20], [21] Đề nghị ghi rõ trình độ theo chứng chỉ

Tại cột [22] nếu đã được bồi dưỡng thì ghi “có”, nếu chưa thì ghi “không”

Tại cột [23], [24], [25] để nghị đánh dấu X vào ô tương ứng với cơ quan đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ tại cột [22]

Tại cột [34] Đề nghị ghi cụ thể niên khóa đào tạo

TM UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...**Người lập biểu**

(ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm 2015

RÀ SỞ ĐẤT CÔNG CHỨC PHÒNG TƯ PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC HỘ TỊCH
(Tính đến ngày 30/6/2015 - Phục vụ triển khai Luật hộ tịch)

Biểu số 4

TT Họ và Tên	Giới tính	Thời gian làm công tác tư pháp	Trình độ			Đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch	Đang tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ	Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng			
			Văn hóa	Chuyên môn							
				Luật	Khác						
		Dưới 05 năm					Từ 5 đến 10 năm				
							Từ 10 đến 15 năm				
							Từ 15 đến 20 năm				
							Từ 20 đến 25 năm				
							Từ 25 đến 30 năm				
							Từ 30 đến 35 năm				
							Từ 35 đến 40 năm				
							Từ 40 đến 45 năm				
							Từ 45 đến 50 năm				
							Từ 50 đến 55 năm				
							Từ 55 đến 60 năm				
							Từ 60 đến 65 năm				
							Từ 65 đến 70 năm				
							Từ 70 đến 75 năm				
							Từ 75 đến 80 năm				
							Từ 80 đến 85 năm				
							Từ 85 đến 90 năm				
							Từ 90 đến 95 năm				
							Từ 95 đến 100 năm				
							Từ 100 đến 105 năm				
							Từ 105 đến 110 năm				
							Từ 110 đến 115 năm				
							Từ 115 đến 120 năm				
							Từ 120 đến 125 năm				
							Từ 125 đến 130 năm				
							Từ 130 đến 135 năm				
							Từ 135 đến 140 năm				
							Từ 140 đến 145 năm				
							Từ 145 đến 150 năm				
							Từ 150 đến 155 năm				
							Từ 155 đến 160 năm				
							Từ 160 đến 165 năm				
							Từ 165 đến 170 năm				
							Từ 170 đến 175 năm				
							Từ 175 đến 180 năm				
							Từ 180 đến 185 năm				
							Từ 185 đến 190 năm				
							Từ 190 đến 195 năm				
							Từ 195 đến 200 năm				
							Từ 200 đến 205 năm				
							Từ 205 đến 210 năm				
							Từ 210 đến 215 năm				
							Từ 215 đến 220 năm				
							Từ 220 đến 225 năm				
							Từ 225 đến 230 năm				
							Từ 230 đến 235 năm				
							Từ 235 đến 240 năm				
							Từ 240 đến 245 năm				
							Từ 245 đến 250 năm				
							Từ 250 đến 255 năm				
							Từ 255 đến 260 năm				
							Từ 260 đến 265 năm				
							Từ 265 đến 270 năm				
							Từ 270 đến 275 năm				
							Từ 275 đến 280 năm				
							Từ 280 đến 285 năm				
							Từ 285 đến 290 năm				
							Từ 290 đến 295 năm				
							Từ 295 đến 300 năm				
							Từ 300 đến 305 năm				
							Từ 305 đến 310 năm				
							Từ 310 đến 315 năm				
							Từ 315 đến 320 năm				
							Từ 320 đến 325 năm				
							Từ 325 đến 330 năm				
							Từ 330 đến 335 năm				
							Từ 335 đến 340 năm				
							Từ 340 đến 345 năm				
							Từ 345 đến 350 năm				
							Từ 350 đến 355 năm				
							Từ 355 đến 360 năm				
							Từ 360 đến 365 năm				
							Từ 365 đến 370 năm				
							Từ 370 đến 375 năm				
							Từ 375 đến 380 năm				
							Từ 380 đến 385 năm				
							Từ 385 đến 390 năm				
							Từ 390 đến 395 năm				
							Từ 395 đến 400 năm				
							Từ 400 đến 405 năm				
							Từ 405 đến 410 năm				
							Từ 410 đến 415 năm				
							Từ 415 đến 420 năm				
							Từ 420 đến 425 năm				
							Từ 425 đến 430 năm				
							Từ 430 đến 435 năm				
							Từ 435 đến 440 năm				
							Từ 440 đến 445 năm				
							Từ 445 đến 450 năm				
							Từ 450 đến 455 năm				
							Từ 455 đến 460 năm				
							Từ 460 đến 465 năm				
							Từ 465 đến 470 năm				
							Từ 470 đến 475 năm				
							Từ 475 đến 480 năm				
							Từ 480 đến 485 năm				
							Từ 485 đến 490 năm				
							Từ 490 đến 495 năm				
							Từ 495 đến 500 năm				
							Từ 500 đến 505 năm				
							Từ 505 đến 510 năm				
							Từ 510 đến 515 năm				
							Từ 515 đến 520 năm				
							Từ 520 đến 525 năm				
							Từ 525 đến 530 năm				
							Từ 530 đến 535 năm				
							Từ 535 đến 540 năm				
							Từ 540 đến 545 năm				
							Từ 545 đến 550 năm				
							Từ 550 đến 555 năm				
							Từ 555 đến 560 năm				
							Từ 560 đến 565 năm				
							Từ 565 đến 570 năm				
							Từ 570 đến 575 năm				
							Từ 575 đến 580 năm				
							Từ 580 đến 585 năm				
							Từ 585 đến 590 năm				
							Từ 590 đến 595 năm				
							Từ 595 đến 600 năm				
							Từ 600 đến 605 năm				
							Từ 605 đến 610 năm				
							Từ 610 đến 615 năm				
							Từ 615 đến 620 năm				
							Từ 620 đến 625 năm				
							Từ 625 đến 630 năm				
							Từ 630 đến 635 năm				
							Từ 635 đến 640 năm				
							Từ 640 đến 645 năm				
							Từ 645 đến 650 năm				
							Từ 650 đến 655 năm				
							Từ 655 đến 660 năm				
							Từ 660 đến 665 năm				
							Từ 665 đến 670 năm				
							Từ 670 đến 675 năm				
							Từ 675 đến 680 năm				
							Từ 680 đến 685 năm				
							Từ 685 đến 690 năm				
							Từ 690 đến 695 năm				
							Từ 695 đến 700 năm				
							Từ 700 đến 705 năm				
							Từ 705 đến 710 năm				
							Từ 710 đến 715 năm				
							Từ 715 đến 720 năm				
							Từ 720 đến 725 năm				
							Từ 725 đến 730 năm				
							Từ 730 đến 735 năm				
							Từ 735 đến 740 năm				
							Từ 740 đến 745 năm				
							Từ 745 đến 750 năm				
							Từ 750 đến 755 năm				
							Từ 755 đến 760 năm				
							Từ 760 đến 765 năm				
							Từ 765 đến 770 năm				
							Từ 770 đến 775 năm				
							Từ 775 đến 780 năm				
							Từ 780 đến 785 năm				
							Từ 785 đến 790 năm				
							Từ 790 đến 795 năm				
							Từ 795 đến 800 năm				
							Từ 800 đến 805 năm				
							Từ 805 đến 810 năm				
							Từ 810 đến 815 năm				
							Từ 815 đến 820 năm				
							Từ 820 đến 825 năm				
							Từ 825 đến 830 năm				
							Từ 830 đến 835 năm				
							Từ 835 đến 840 năm				
							Từ 840 đến 845 năm				
							Từ 845 đến 850 năm				
							Từ 850 đến 855 năm				
							Từ 855 đến 860 năm				
							Từ 860 đến 865 năm				
							Từ 865 đến 870 năm				
							Từ 870 đến 875 năm				
							Từ 875 đến 880 năm				
							Từ 880 đến 885 năm				
							Từ 885 đến 890 năm				
							Từ 890 đến 895 năm				
							Từ 895 đến 900 năm				
							Từ 900 đến 905 năm				
							Từ 905 đến 910 năm				
							Từ 910 đến 915 năm				
							Từ 915 đến 920 năm				
							Từ 920 đến 925 năm				
							Từ 925 đến 930 năm				
							Từ 930 đến 935 năm				
							Từ 935 đến 940 năm				
							Từ 940 đến 945 năm				
							Từ 945 đến 950 năm				
							Từ 950 đến 955 năm				
							Từ 955 đến 960 năm				
							Từ 960 đến 965 năm				
							Từ 965 đến 970 năm				
							Từ 970 đến 975 năm				
							Từ 975 đến 980 năm				
							Từ 980 đến 985 năm				
				</							

Biểu số 5

TỔNG HỢP RÀ SOÁT CÔNG CHỨC PHÒNG TƯ PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC HỘ TỊCH

(Tính đến ngày 30/6/2015 - Phê duyệt triển khai luật Hộ tịch)

Độ tuổi	Giới tính	Thời gian làm công tác tư pháp	Trình độ			Đang được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch	Đang tham gia các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch	Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
			Văn hóa	Chuyên môn	Ngoại ngữ			Tin học	Khác	Luật	
Trên 16 năm	Nữ	Từ 5 đến 10 năm	Trung cấp	Chuyên môn Luật	Tin học	Đại học, Cao đẳng	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Luật	
Trên 16 năm	Nam	Từ 5 đến 10 năm	Đại học	Chuyên môn Luật	Tin học	Đại học, Cao đẳng	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Luật	
Dưới 05 năm	Nữ	Từ 30 đến dưới 40	Trung cấp	Chuyên môn Luật	Tin học	Đại học, Cao đẳng	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Luật	
Dưới 05 năm	Nam	Từ 30 đến dưới 40	Đại học	Chuyên môn Luật	Tin học	Đại học, Cao đẳng	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Luật	
Trên 50	Nữ	Từ 40 đến 45	Trung cấp	Chuyên môn Luật	Tin học	Đại học, Cao đẳng	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Luật	
Trên 50	Nam	Từ 40 đến 45	Đại học	Chuyên môn Luật	Tin học	Đại học, Cao đẳng	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Luật	
Dưới 30	Nữ	Từ 40 đến 45	Trung cấp	Chuyên môn Luật	Tin học	Đại học, Cao đẳng	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Luật	
Dưới 30	Nam	Từ 40 đến 45	Đại học	Chuyên môn Luật	Tin học	Đại học, Cao đẳng	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Chuyên môn Luật, nghiệp vụ hộ tịch	Luật	
Tổng số cảng chức được giao thực hiện cảng tác hộ tịch											
			Tên Quận/Huyện/ Thị xã/ Thành phố thuộc Tỉnh								
				1	2	3	4	5	6	7	8
				1	1	2	3	4	5	6	7
				2	2	3	4	5	6	7	8
				3	3	4	5	6	7	8	9

Huong dan:

卷之三

Tiếng Anh chuyên môn Luật đồng thời có trình độ chuyên môn Luật

lò chức bồi dưỡng nghiệp vụ tại cột [20]

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bộ sưu tập - Tứ do - Hành phái

ngày tháng năm 2015

Biểu số 6

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÔNG CHỨC PHÒNG TƯ PHÁP CHUA CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

(Tính đến ngày 30/6/2015 - Phục vụ triển khai Luật hộ tịch)

Giới tính	Thời gian làm công tác tư pháp	Trình độ		Đang tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ		Đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch
		Văn hóa	Chuyên môn	Lý luận	Khác	
Tổn Quát/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh	Họ và Tên	Năm sinh	Za Zan	Dưới 05 năm	Tuổi 5 đến 10 năm	Tuổi 10 năm
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						
32						
33						
34						
35						
36						
37						
38						
39						
40						

TỈM UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

Năgările lăpărătoare

Hướng dẫn:

- "Thời gian làm công tác tư pháp": là thời gian được tuyển dụng
 - Tai cõi [19] Đề nghị ghi rõ ngoài ngữ và trình độ theo chung chí
 - Tai cõi [20] Đề nghị ghi rõ trình độ theo chung chí
 - Tai cõi [20] nếu đã được bồi dưỡng thi ghi "có"; nếu chưa thi ghi "không"
 - Tai cõi [21], [22], [23], đề nghị đánh dấu X vào ô tương ứng với cơ quan đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ tại cõi [20]
 - Tai cõi [33] Đề nghị ghi cụ thể niên khóa đào tạo

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày tháng năm 2015

ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHO CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC HỘ TỊCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM 2015 - 2020
(Phục vụ triễn khai Luật Hộ tịch)

1	Sau đại học		
2	Đào tạo trình độ đại học luật		
3	Đào tạo trình độ trung cấp luật		
4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ		
5	Tin học		
6	Bồi dưỡng khác		
1	Sau đại học		
2	Đào tạo trình độ đại học luật		
3	Đào tạo trình độ trung cấp luật		
4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ		
5	Tin học		
6	Bồi dưỡng khác		
1	Sau đại học		
2	Đào tạo trình độ đại học luật		
3	Đào tạo trình độ trung cấp luật		
4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ		
5	Tin học		
6	Bồi dưỡng khác		

TM. Ủ BẢN XÃ PHƯƠNG THỊ TRÁN...

Người lập biểu (Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày tháng năm 2015

Biểu số 14

DÉ XUẤT KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHO CÔNG CHỨC PHÒNG TƯ PHÁP LÀM CÔNG TÁC HỌ TỊCH NĂM 2015 - 2020
(Phục vụ triển khai Luật Hộ tịch)

Nă m	TT	Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Số người	Thời gian	Địa điểm đào tạo, bồi dưỡng			Địa điểm đào tạo, bồi dưỡng			Địa điểm đào tạo, bồi dưỡng			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú	
						Tài địa phương	Tài các cơ sở đào tạo của Bộ Tư pháp	Địa điểm khác	NS Địa phương	NS Trung ương	Ty túc	Nguồn dự án, hỗ trợ						
Năm 2015	1	Sau đại học			2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	2	Đào tạo trình độ đại học luật																
	3	Đào tạo trình độ trung cấp luật																
	4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ																
	5	Tin học																
	6	Bồi dưỡng khác																
Năm 2016	1	Sau đại học																
	2	Đào tạo trình độ đại học luật																
	3	Đào tạo trình độ trung cấp luật																
	4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ																
	5	Tin học																
	6	Bồi dưỡng khác																
Năm 2017	1	Sau đại học																
	2	Đào tạo trình độ đại học luật																
	3	Đào tạo trình độ trung cấp luật																
	4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ																
	5	Tin học																
	6	Bồi dưỡng khác																

Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
Số	Tên	Số	Tên	Số	Tên
1	Sau đại học				
2	Đào tạo trình độ đại học luật				
3	Đào tạo trình độ trung cấp luật				
4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ				
5	Tin học				
6	Bồi dưỡng khác				
	I Sau đại học				
	2 Đào tạo trình độ đại học luật				
	3 Đào tạo trình độ trung cấp luật				
	4 Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ				
	5 Tin học				
	6 Bồi dưỡng khác				
	I Sau đại học				
	2 Đào tạo trình độ đại học luật				
	3 Đào tạo trình độ trung cấp luật				
	4 Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ				
	5 Tin học				
	6 Bồi dưỡng khác				

Nguoi lập biếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM, UND LIVYEN.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...ngày tháng năm 2015

Biểu số 15

**TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHO CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC HỘ TỊCH NĂM 2015 - 2020
(Phục vụ triển khai Luật Hộ tịch)**

Năm	TT	Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng	Số người	Thời gian	Địa điểm đào tạo, bồi dưỡng			Đại diện nguồn kinh phí (ghi rõ số kinh phí)			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
							Tài địa phương	Tài các cơ sở đào tạo của Bộ Tư pháp	Địa điểm khác	NS Địa phương	NS Trung ương	Tỷ lệ	Nguồn dự án, hỗ trợ		
	1	Sau đại học													
	2	Đào tạo trình độ đại học luật													
	3	Đào tạo trình độ trung cấp													
	4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ													
	5	Tin học													
	6	Bồi dưỡng khác													
	1	Sau đại học													
	2	Đào tạo trình độ đại học luật													
	3	Đào tạo trình độ trung cấp luật													
	4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ													
	5	Tin học													
	6	Bồi dưỡng khác													
	1	Sau đại học													
	2	Đào tạo trình độ đại học luật													
	3	Đào tạo trình độ trung cấp luật													
	4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ													
	5	Tin học													

6	Bồi dưỡng khác				
1	Sau đại học				
2	Đào tạo trình độ đại học luật				
3	Đào tạo trình độ trung cấp luật				
4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ				
5	Tin học				
6	Bồi dưỡng khác				
1	Sau đại học				
2	Đào tạo trình độ đại học luật				
3	Đào tạo trình độ trung cấp luật				
4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ				
5	Tin học				
6	Bồi dưỡng khác				
1	Sau đại học				
2	Đào tạo trình độ đại học luật				
3	Đào tạo trình độ trung cấp luật				
4	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ				
5	Tin học				
6	Bồi dưỡng khác				
		Năm 2019			
		Năm 2020			

Người lập biếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỈM UBND TỈNH, THÀNH PHỐ....